|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN****HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**Bản án số: 253/2022/HNGĐ-ST Ngày 24-11-2022V/v tranh chấp ly hôn | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Quốc Trạng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Hùng Ông Trần Ngọc Chi

* ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thu Y, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).
* *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1985; cư trú tại: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Chị Trần Thu Y trình bày tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2022:*

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Các con có nguyện vọng sống ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị Y yêu cầu chia đôi: 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng vàng 18k, 60.000.000đ.

Về nợ: Chị xác định không có.

*Chị Trần Thu Y trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/10/2022:*

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, không có

đăng ký kết hôn, việc chung sống là tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh chị. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung tên Trần Bích T, sinh ngày 02/01/2006 và Trần Bích V, sinh ngày 26/9/2008. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng vàng 18k, 60.000.000đ, 07 chỉ vàng 24k cho anh Trần Văn T mượn, 01 chưng hụi sống tham gia của bà N, 45.000.000đ tiền tham gia bảo hiểm nhân thọ cho anh T, 01 chiếc xe Wave RSX, biển kiểm soát 73-673. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu chia đôi các tài sản trên.

Về nợ: Nợ bà Trần Thị H 13.000.000đ là tiền mượn để mua 01 chiếc xe Sirius, biển kiểm soát 56-032. Chị yêu cầu chia đôi số tiền nợ trên.

*Anh Trần Văn T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 25/10/2022*:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị Y về thời gian chung sống, việc chung sống là tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh thừa nhận có đánh chị Y. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Yến.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị Y, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hiện tại anh đang giữ các tài sản sau: 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng 01 chỉ vàng 18k, 60.000.000đ.

Ngoài các tài sản theo chị Y trình bày, anh chị còn có các tài sản chung sau đây: 01 căn nhà, 70.000.000đ tiền gửi tại Ngân hàng NN và PT nông thôn VN chi nhánh huyện ĐD, 01 tấm lắc, 13 chiếc vòng, 01 chiếc xe Sirius, biển kiểm soát 56-

032. Anh yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có.

*Bà Trần Thị H trình bày*: Trước đây, chị Y có mượn của bà 13.000.000đ để mua xe máy. Đối với số tiền trên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để hai bên tự thỏa thuận.

*Tại phiên Tòa,*

*Chị Trần Thu Y trình bày:* Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh chị. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị xin rút yêu cầu chia đôi 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng 01 chỉ vàng 18k, 60.000.000đ do đã thỏa thuận xong. Về nợ: Chị không yêu cầu giải quyết do bà H không yêu cầu trả số tiền nợ 13.000.000đ.

*Bà Trần Thị H trình bày:* Bà không yêu cầu chị Y trả số tiền nợ 13.000.000đ.

# NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối anh T là phù hợp.
2. Về hôn nhân: Chị Y, anh T chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh T.
3. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Y, thấy rằng: Theo Biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 15/11/2022 thể hiện cháu T và cháu V có nguyện vọng sống chung với chị Y. Anh T thống nhất con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu T và cháu V cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

1. Về tài sản chung: Chị Y rút yêu cầu chia đôi các tài sản: 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng 01 chỉ vàng 18k, 60.000.000đ do hai bên đã thỏa thuận phân chia xong. Xét thấy, việc chị Y rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu trên của chị Y.

Tại phiên hòa giải ngày 25/10/2022, Thẩm phán đã giải thích nếu chị Y, anh T có yêu cầu phân chia các tài sản: 07 chỉ vàng 24k cho anh Trần Văn T mượn, 01 chưng hụi sống tham gia của bà N, 45.000.000đ tiền tham gia bảo hiểm nhân thọ cho anh T, 01 chiếc xe Wave RSX, biển kiểm soát 73-673, 01 căn nhà, 70.000.000đ tiền gửi tại Ngân hàng NN và PT nông thôn VN chi nhánh huyện ĐD, 01 tấm lắc, 13 chiếc vòng, 01 chiếc xe Sirius, biển kiểm soát 56-032 thì phải làm đơn gửi cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 25/10/2022 nhưng các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

1. Về nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Y không phải chịu, đã nộp 4.088.000đ, đối trừ 300.000đ được nhận lại 3.788.000đ.

Vì các lẽ trên,

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều

244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu Y.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thu Y và anh Trần Văn T là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Bích T, sinh ngày 02/01/2006 và cháu Trần Bích V, sinh ngày 26/9/2008 cho chị Trần Thu Y tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Trần Thu Y về việc yêu cầu chia đôi các tài sản: 3,5 lượng vàng 24k, 1,2 lượng vàng 18k, 01 kiềng 01 chỉ vàng 18k, 60.000.000đ.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thu Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Trần Thu Y không phải chịu. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 4.088.000đ (bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0013032 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được nhận lại 3.788.000đ (ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

* TAND tỉnh Cà Mau;
* VKSND huyện Đầm Dơi;
* CCTHADS huyện Đầm Dơi;
* Đương sự;
* Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trạng**